VIETNAM DAILY REVIEW

VN-Index đi ngang, chờ tín hiệu xác nhận xu hướng

Thứ Sáu, Ngày 13 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,734.93	1,844.91	254.98	121.39
▲ +0.18 (+0.01%)	▲ +5.48 (+0.30%)	▼ -1.64 (-0.64%)	▲ +0.14 (+0.12%)

GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)	GTKL (TỶ)	SO TB20	BIÊN ĐỘ	GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)	GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)
9,804	-21.7%	+320.6	4,726	-29.6%	16.18	646	-8.3%	-12.6	241	-43.2%	-7.2

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co trong phiên hôm nay, dao động trong vùng 1,724 – 1,738 điểm trước khi đóng cửa tại 1,734.93 điểm, gần như không thay đổi so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông giảm trên 1%. Các ngành còn lại đều biến động dưới 1%. Về giao dịch của khối ngoại, khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên hai sàn HNX và UPCOM. VN-Index vẫn vận động trong mô hình tam giác cân, cho thấy quá trình thu hẹp biên độ dao động và hình thành nền giá đang tiếp diễn. Thanh khoản duy trì dưới mức bình quân 20 phiên, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư và sự thiếu vắng động lực bứt phá rõ ràng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 tăng nhẹ.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 13/11/2026, phần lớn các chứng quyền giảm.

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.18** điểm, đóng cửa tại 1,734.93 điểm. HNX-Index **-1.64** điểm, đóng cửa tại 254.98 điểm. UPCoM-Index **+0.14** điểm, đóng cửa tại 121.39 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: STB (**+0.93**), VJC (**+0.47**), TCB (**+0.45**), VPB (**+0.42**), POW (**+0.30**).
- Kéo chỉ số giảm: BID (**-0.40**), VNM (**-0.26**), GAS (**-0.25**), DMX (**-0.23**), VCB (**-0.18**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 9,804 tỷ đồng, giảm 5.60% so với phiên trước và thấp hơn 21.7% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 15,169 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.3 điểm. Sàn HOSE có 105 mã tăng (5 mã trần), 109 mã tham chiếu, 193 mã giảm (2 mã sàn).
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 320.60 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VIX (**+308.05** tỷ), POW (**+86.41** tỷ), VJC (**+57.75** tỷ), HDB (**+57.61** tỷ), MSN (**+56.08** tỷ). Đây là phiên mua ròng thứ 1 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-123,585** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-12.62** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-7.24** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
VIX	308.05	FPT	-221.52
POW	86.41	GMD	-56.36
VJC	57.75	BID	-37.41
HDB	57.61	SHB	-33.26
MSN	56.08	NVL	-31.65

HOSE luỹ kế năm: **-123,585** tỷ 1 phiên mua ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,592	-0.35%	+3.25%
FTSE100	10,863	+0.25%	+0.75%
Eurostoxx	6,399	+0.09%	+2.69%
Shanghai	3,634	-0.59%	-0.41%
Nikkei	61,142	+0.53%	+6.46%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	95.93	+0.11%	-2.43%
Giá vàng	3,900	+0.60%	-4.19%
USD/VND	25,723	+0.15%	+0.49%
EUR/VND	28,394	0.00%	-0.45%
JPY/VND	161	+0.16%	-0.37%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	0 bps	-0.4 bps
VN LS LNH 1M	5.90%	+50.0 bps	+37.5 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
STB	71.20	+3.34%	+0.93	4.08
VJC	139.40	+2.12%	+0.47	1.91
TCB	21.85	+1.39%	+0.45	9.74
VPB	22.10	+0.91%	+0.42	15.59
POW	13.05	+3.57%	+0.30	30.12

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
BID	31.85	-0.78%	-0.40	3.08
VNM	53.60	-1.11%	-0.26	2.40
GAS	72.70	-0.68%	-0.25	0.37
DMX	75.10	-1.18%	-0.23	0.03
VCB	53.80	-0.19%	-0.18	1.77

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIF	17.00	+6.25%	+0.21	0.03
PVS	28.70	+1.06%	+0.11	1.33
VIT	24.70	+8.81%	+0.10	0.00
DHT	50.00	+3.31%	+0.09	0.01
OCH	7.40	+4.23%	+0.06	0.14

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	15.80	-2.47%	-0.66	0.40
KSF	68.00	-1.31%	-0.46	0.04
IDC	35.00	-1.96%	-0.17	0.50
MBS	16.10	-1.23%	-0.11	3.59
CEO	12.00	-2.44%	-0.10	7.90

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
STB	71.20	+3.34%	+3.22	4.08
FPT	50.10	+1.11%	+1.42	14.43
VJC	139.40	+2.12%	+1.40	1.91
TCB	21.85	+1.39%	+0.90	9.74
VPB	22.10	+0.91%	+0.66	15.59

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VNM	53.60	-1.11%	-0.88	2.40
LPB	36.25	-0.41%	-0.30	77.58
SHB	10.90	-0.91%	-0.28	26.26
ACB	20.35	-0.25%	-0.19	19.77
MCH	123.50	-0.32%	-0.18	0.39

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TTF	1.07	+7.00%	0.95
L10	44.55	+6.96%	0.01
DTA	3.85	+6.94%	0.08
QNP	31.00	+6.90%	0.00
TMS	33.50	+6.86%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PIT	8.65	-6.99%	0.00
SFI	23.10	-6.85%	0.00
TCR	1.77	-6.84%	0.01
TDC	6.10	-5.28%	0.07
CCI	15.70	-5.14%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
DC2	5.50	+10.00%	0.00
DAE	13.30	+9.92%	0.00
TV3	14.80	+9.63%	0.00
HEV	16.20	+9.46%	0.00
SGD	14.10	+9.30%	0.00

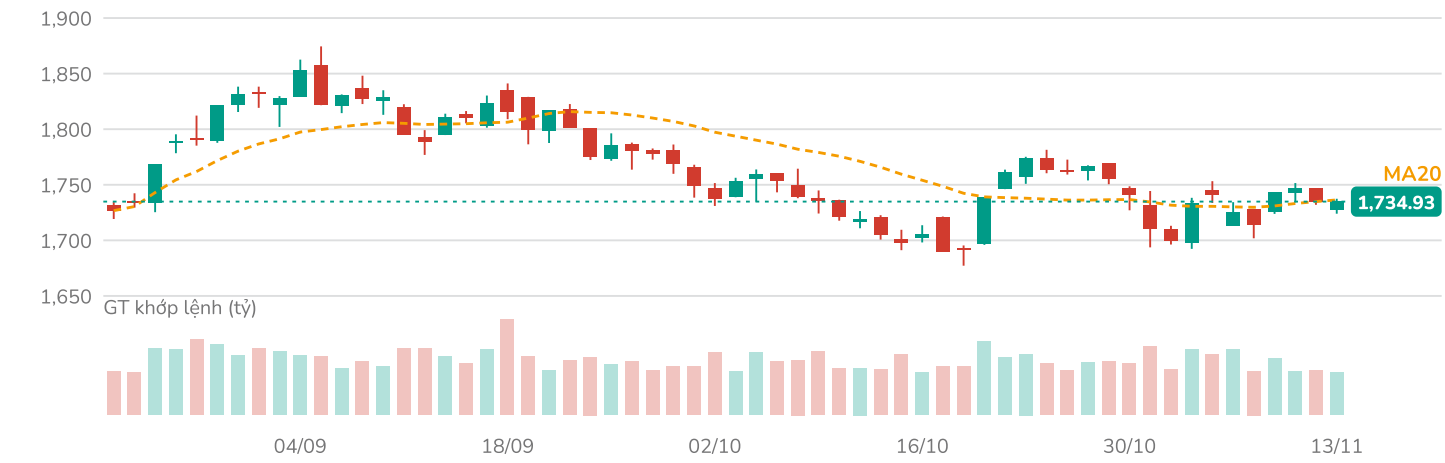
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TIG	2.70	-10.00%	34.64
SDG	6.40	-9.86%	0.00
PBP	9.40	-9.62%	0.00
GDW	31.60	-9.46%	0.00
MEL	7.00	-9.09%	0.00

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

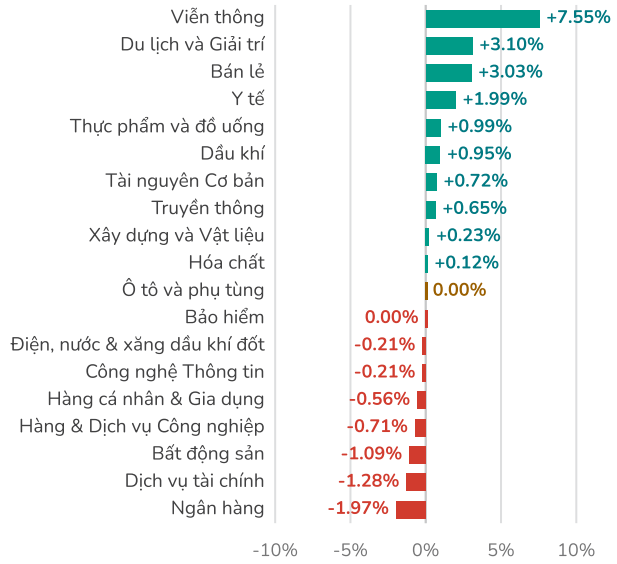
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,736.40 TB20 GT khớp lệnh: 12,518 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2

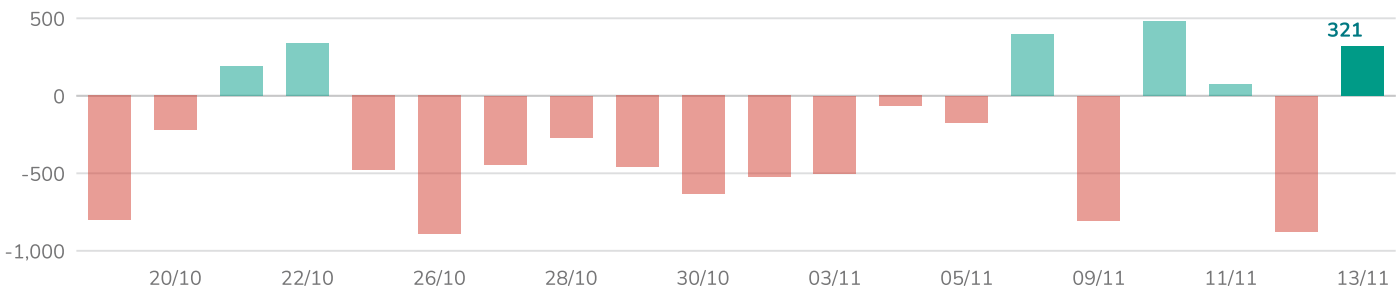


Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Bất động sản	-1.09%	249	1.2
Xây dựng và Vật liệu	+0.23%	32	0.2
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.56%	15	-0.2
Tài nguyên Cơ bản	+0.72%	23	-0.2
Ô tô và phụ tùng	0.00%	35	-0.2
Hóa chất	+0.12%	18	-0.4
Ngân hàng	-1.97%	6	-0.7
Dịch vụ tài chính	-1.28%	272	-1.9
Viễn thông	+7.55%	4	-3.9
Dầu khí	+0.95%	40	-6.6

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

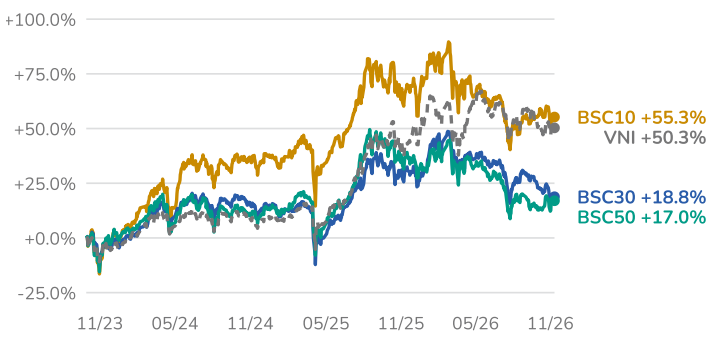
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.07%**. Các mã diễn biến tích cực: STB (+3.34%), MSB (+1.55%), TCB (+1.39%).
- BSC50 **-0.02%**. Các mã diễn biến tích cực: POW (+3.57%), CTD (+3.40%), NLG (+2.88%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.07%	-0.02%	+0.01%	+0.30%
1 tuần	-0.61%	+1.02%	+0.55%	-0.08%
1 tháng	-0.32%	+2.71%	+1.70%	-0.57%
3 tháng	-1.04%	-1.59%	+0.34%	-1.70%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	73.0	0.00%	1.0	107,726	149.5	7,556	9.7	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.8	-0.37%	0.9	25,239	95.7	1,859	14.4	42.4	6.1%	Link
KDH	Bất động sản	15.7	+0.96%	0.9	19,551	212.6	1,374	11.4	39.9	23.9%	Link
PDR	Bất động sản	11.5	-2.54%	1.1	11,475	51.1	540	21.3	28.2	7.0%	Link
VHM	Bất động sản	62.2	0.00%	1.7	510,962	173.3	12,039	5.2	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	50.1	+1.11%	0.7	94,475	720.2	5,479	9.1	124.4	26.3%	Link
BSR	Dầu khí	25.4	-0.59%	–	126,935	94.8	5,584	4.5	–	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	28.7	+1.06%	0.8	17,613	38.2	3,417	8.4	52.3	14.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.9	-1.08%	0.8	31,486	80.5	1,058	21.7	–	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	20.2	-0.25%	1.0	60,610	220.0	1,554	13.0	–	29.8%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.6	-1.01%	0.8	22,641	135.8	1,249	15.7	–	14.4%	Link
DCM	Hóa chất	30.2	-1.47%	0.8	15,988	42.6	5,132	5.9	53.3	7.1%	Link
DGC	Hóa chất	32.7	-0.46%	1.0	12,419	7.7	4,883	6.7	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.4	-0.25%	0.6	118,120	411.7	2,773	7.3	27.1	22.0%	Link
BID	Ngân hàng	31.9	-0.78%	0.9	247,737	98.2	4,524	7.0	–	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	31.5	-0.16%	0.8	244,659	177.9	5,479	5.8	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	22.6	+0.44%	0.9	147,055	449.1	2,932	7.7	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	19.1	-0.26%	0.9	192,817	159.6	3,507	5.5	32.4	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	16.4	+1.55%	0.8	61,402	403.1	1,673	9.8	14.0	5.9%	Link
STB	Ngân hàng	71.2	+3.34%	0.7	134,227	285.5	809	88.0	–	10.1%	Link
TCB	Ngân hàng	21.9	+1.39%	1.0	232,251	211.3	2,694	8.1	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	12.9	-1.15%	1.0	41,312	153.4	2,649	4.9	–	21.8%	Link
VCB	Ngân hàng	53.8	-0.19%	0.8	449,535	95.0	4,986	10.8	–	19.7%	Link
VIB	Ngân hàng	14.1	0.00%	0.7	52,482	78.6	2,070	6.8	23.0	4.1%	Link
VPB	Ngân hàng	22.1	+0.91%	0.9	221,000	338.3	3,118	7.1	36.5	22.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.1	+0.31%	0.8	6,918	17.5	2,348	6.8	28.8	1.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	71.2	0.00%	0.9	103,979	820.3	6,243	11.4	100.4	25.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	53.6	-1.11%	0.5	112,022	129.3	5,455	9.8	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.1	0.00%	0.8	177,724	200.3	3,251	6.5	32.2	21.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.9	-1.36%	0.8	8,799	19.9	772	14.1	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	39.5	+0.13%	0.9	8,823	26.9	4,269	9.2	28.7%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	147.0	-0.54%	0.8	26,286	18.3	7,598	19.4	33.8%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	64.2	+1.26%	0.8	47,657	28.1	4,560	14.1	27.6%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.2	-2.39%	1.0	8,611	37.0	776	13.1	3.1%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	11.1	0.00%	0.9	14,076	119.4	92	121.2	15.6%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	13.1	+1.55%	1.0	3,009	33.8	690	19.0	1.2%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	35.0	-1.96%	0.8	14,611	17.8	4,365	8.0	15.2%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	25.0	+2.88%	0.9	12,127	93.5	1,026	24.4	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	49.9	-0.80%	0.8	12,081	3.9	5,778	8.6	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	20.9	+1.71%	0.9	3,753	31.5	891	23.4	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.5	0.00%	1.1	13,545	105.0	793	17.0	9.9%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	243.0	0.00%	1.9	1,886,211	362.5	5,557	43.7	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	24.3	0.00%	1.5	55,217	62.2	3,255	7.5	11.0%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	17.6	0.00%	0.8	4,099	19.1	1,687	10.4	35.3%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	139.4	+2.12%	0.7	107,212	263.3	2,866	48.6	5.2%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	33.5	-0.30%	0.8	43,345	33.0	3,022	11.1	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	16.4	-0.91%	0.6	15,169	90.5	976	16.8	8.0%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	19.3	-0.52%	1.1	7,352	15.0	1,054	18.3	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	16.1	-1.23%	1.1	16,115	57.9	1,562	10.3	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.5	-2.05%	1.2	28,132	266.5	762	28.2	5.7%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.0	+2.42%	0.8	35,714	464.4	4,184	13.2	37.6%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.1	+0.10%	0.6	9,228	7.1	6,594	7.3	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.1	+0.96%	0.7	10,907	76.5	2,977	7.1	15.6%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.9	+0.11%	0.6	9,267	7.8	2,174	21.1	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.9	0.00%	1.0	7,650	80.2	3,302	4.5	23.7%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.9	0.00%	0.8	1,759	10.3	1,741	8.6	48.0%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.9	-1.17%	0.8	2,176	14.5	3,692	4.6	22.3%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	19.6	0.00%	0.7	13,293	20.8	2,320	8.4	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.0	-0.68%	1.1	116,000	22.4	2,111	13.7	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	16.2	0.00%	1.1	30,176	30.6	103	157.8	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	36.2	-0.41%	0.7	108,289	2,645.6	4,048	9.0	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	13.2	+1.54%	0.5	28,496	83.8	2,365	5.6	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.8	+0.93%	0.7	33,075	10.7	1,482	7.3	18.8%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.8	-1.75%	1.0	4,473	14.8	2,961	5.7	1.8%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.9	+0.81%	0.6	12,546	91.4	252	122.8	3.0%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.8	-0.35%	0.6	54,830	13.8	3,623	11.8	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.2	+2.40%	0.7	10,724	20.7	5,503	9.3	17.5%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.3	-1.98%	0.8	6,080	55.6	494	25.0	5.1%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	128.5	-1.31%	0.4	10,519	6.1	15,292	8.4	81.7%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	76.0	+3.40%	0.8	8,499	150.6	7,145	10.6	48.1%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	61.7	-0.48%	0.8	7,904	10.1	5,223	11.8	5.4%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	33.8	-2.31%	0.9	4,008	20.2	3,735	9.1	18.5%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.6	-1.64%	0.8	5,510	34.9	1,241	7.7	10.5%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.5	-1.49%	0.5	7,804	10.1	2,352	7.0	8.1%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.1	-2.89%	0.7	10,542	101.1	1,607	9.4	2.1%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.2	-0.86%	0.9	18,024	6.0	4,003	10.0	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.7	-0.68%	0.8	175,421	26.9	6,110	11.9	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.4	+0.61%	0.9	6,674	44.2	1,999	8.2	15.7%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	+3.57%	0.8	40,035	388.4	2,353	5.5	4.5%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	49.9	+1.22%	0.5	31,108	137.5	4,420	11.3	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn